

Bản án số: 20/2019-HNGĐ- ST

Ngày: 20-5-2019

*V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Chuộng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST-
HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 16
tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:11/2019/HNGĐ- ST ngày 3
tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Tr, sinh năm 1994

ĐHKTT: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Khu P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Vũ Thành T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị Tr có mặt, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28- 02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ
án nguyên đơn là chị Vũ Thị Tr trình bày: Chị và anh Vũ Thành T được tự
nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào ngày 19-7-2011 tại Ủy ban nhân dân
xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh T tại xã T.
Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hòa hợp nhau về tính cách và quan

điểm sống. Anh T muốn đi làm ăn xa nhưng chị không đồng ý. Khoảng 4 năm nay anh T đi làm xa thỉnh thoảng mới về qua nhà thăm gia đình. Từ khi anh T đi làm tình cảm vợ chồng ngày một xa cách hơn, anh T không còn quan tâm đến vợ con, còn bản thân chị Tr cảm thấy cuộc sống gia đình chán nản, không còn hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2016 đến nay. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh T chưa lần nào đến tìm gặp chị để vợ chồng nói chuyện hòa giải đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài hơn được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013 và Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con đều ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng giao các con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Hàng tháng chị có trách nhiệm tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T là 500.000/tháng/ 1 cháu thời gian kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là Vũ Thành T tuy nhiên chỉ giao được các văn bản trên cho bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh T nhận thay. Bà B sau khi nhận các văn bản trên đã giao và thông báo lại cho anh T được biết. Tuy nhiên anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm việc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2019 của bà B, bà trình bày như sau: Anh Vũ Thành T và chị Vũ Thị Tr được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 9-7-2011. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng vợ chồng bà nhưng hai bên chỉ hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm. Chị Tr đã về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng gần 4 năm nay. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị Tr xin ly hôn anh T, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ là điều tốt nhất còn nếu chị Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn thì Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết cho chị Tr. Về con chung anh chị có 02 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013 và Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011. Từ khi anh chị sống ly thân các cháu vẫn ở cùng với anh T và vợ chồng bà. Nếu chị Tr và anh T ly hôn đề nghị Tòa án tiếp tục giao cả 2 cháu cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà sẽ hỗ trợ anh T về việc chăm sóc con chung và chỗ ở. Hiện nay anh T làm nghề lái xe đường dài thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng để nuôi các cháu ăn học.

Bà B có trình bày lại ý kiến của anh T như sau: Anh T xác định vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn tình cảm gì nữa. Chị Tr xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013 và Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị Tr có cấp dưỡng nuôi các cháu như thế nào là tùy chị ấy tự quyết định, anh không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh bận công việc không thể đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị Tr trình bày anh chị đã tự nguyện về chung sống cùng nhau như vợ chồng từ cuối năm 2010 đến ngày 09-7-2011 đi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Tr được ly hôn anh Vũ Thành T.

Về con chung: Giao con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013 và Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011 cho anh Vũ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr hàng tháng cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/ tháng/cháu thời gian kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Vũ Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Tâm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tr và anh Vũ Thành T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân khoảng 4 năm nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh T đến làm việc, tiến hành hòa giải nhưng anh không đến và cũng không gặp gỡ nói chuyện với chị Tr để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, mặc dù anh có biết việc chị Tr đang làm thủ tục yêu cầu xin ly hôn. Điều đó càng chứng tỏ bản thân anh không còn ý thức mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Tr, xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011 và Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013. Chị Tr xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con vẫn ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng giao cả hai cháu cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác anh T và bố mẹ đẻ anh T cũng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Vũ Minh Đ cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011 Vũ Bảo A và sinh ngày 11-3-2013 cho anh Vũ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr về việc hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/ tháng/ cháu thời gian kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Tr được ly hôn anh Vũ Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Minh Đ sinh ngày 21-02-2011 và Vũ Bảo A, sinh ngày 11-3-2013 cho anh Vũ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/ tháng/cháu thời gian kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Tr phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con hàng tháng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002051 ngày 01-3-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn chị Tr còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Dân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt